



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director))

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm**

Laboratory: **Laboratory**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Tôn Đông Á**

Organization: **Ton Dong A Corporation**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1321**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa, Cơ**

Field: **Chemical, Mechanical**

Người quản lý: **Nguyễn Tấn Hoài Nam**

Laboratory manager: **Nguyen Tan Hoai Nam**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày / /2026 đến ngày / /2031**

Địa chỉ: **Số 5, đường số 5, Khu Công Nghiệp Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh**

Address: **No.5, Street No.5, Song Than 1 Industrial Park, Di An ward, Ho Chi Minh city**

Địa điểm: **Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh**

Location: **Lot A3, Street D4, Dong An 2 Industrial Park, Binh Duong ward, Ho Chi Minh city**

Điện thoại/ Tel: **0274 3515135**

Email: **info@tondonga.com.vn**

Website: **tondonga.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1321****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Thép cacbon và hợp kim thấp <i>Carbon and low - alloy Steels</i>	Xác định thành phần hóa học các nguyên tố. Phương pháp quang phổ phát xạ <i>Determination of chemical compositions elements.</i> <i>Spark atomic emission spectrometry method</i>	C: (0,02 ~ 1,1) % Mn: (0,03 ~ 2,0) % Si: (0,02 ~ 1,54) % S: (0,001 ~ 0,055) % P: (0,006 ~ 0,085) %	ASTM E415-21

Ghi chú/ Note:

- ASTM: ASTM International tên cũ là Hội thử nghiệm và vật liệu Hoa Kỳ/ *ASTM International (formerly the American Society for Testing and Materials)*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1321

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Vật liệu kim loại <i>Metallic materials</i>	Thử kéo, xác định: - Giới hạn chảy; - Giới hạn bền; - Độ giãn dài. <i>Tension testing, determination of:</i> - <i>Yield strength;</i> - <i>Tensile strength;</i> - <i>Elongation.</i>	Đến/ to: 100 kN	JIS Z 2241:2022 ASTM E8/E8M-25 EN ISO 6892-1:2019 AS 1391-2020
2.		Xác định độ cứng Rockwell <i>Determination of Rockwell hardness</i>	(29 ~ 100) HRB	JIS Z 2245:2021 ASTM E18-24 EN ISO 6508-1:2023 AS 1815.1-2024
3.	Tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm <i>Galvalnized, Galvalume</i>	Xác định khối lượng lớp mạ <i>Determination of coating mass</i>	(20 ~ 400) g/m ²	JIS H 0401:2021 ASTM A90/A90M-21 BS EN 10346:2015 Annex A AS 2331.2.1-2001(2017) Method A
4.	Thép cán nóng, thép cán nguội, tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm, tôn mạ kẽm phủ sơn, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn <i>Hot rolled coil, cold rolled coil, galvalnized, galvalume, pre-painted galvalnized, pre-painted galvalume</i>	Xác định khả năng kháng phun sương muối <i>Determination of resistance to neutral spray</i>	-	JIS Z2371:2020 (điều kiện thử/ <i>testing condition</i>) JIS K5600-8-2:2008 (đánh giá/ <i>evaluating</i>) ASTM B117-26 (điều kiện thử/ <i>testing condition</i>) ASTM D1654-24; ASTM D610-25; ASTM D714-25 (đánh giá/ <i>evaluating</i>)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1321

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
5.	Tôn mạ kẽm phủ sơn, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn <i>Pre-painted galvalnized, pre-painted galvalume</i>	Xác định độ bền thời tiết của màng sơn Phương pháp bức xạ UV <i>Determination of accelerated weathering Exposure to fluorescent UV lamps</i>		ASTM G154-23 (điều kiện thử/ <i>testing condition</i>) ASTM D4214-23 (đánh giá/ <i>evaluating</i>)
6.	Tôn mạ kẽm phủ sơn, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn <i>Pre-painted galvalnized, pre-painted galvalume</i>	Xác định độ cứng màng sơn. Phương pháp cà bút chì <i>Determination of hardness paint film Pencil hardness method</i>	6B ~ 6H	ASTM D3363-22
7.		Xác định độ bám dính màng sơn Phương pháp viên bi ép phồng <i>Determination of adhesion Erichsen method</i>		TCVN 10671:2015 ISO 1520:2006
8.		Xác định độ bám dính màng sơn Phương pháp va đập <i>Determination of adhesion Du pont impact method</i>		TCVN 2100-2:2013 ISO 6272-2:2011
9.		Đo độ lệch màu (ΔE) <i>Measurement of color differences</i>		ASTM D2244-25
10.		Đo độ bóng (G) <i>Measurement of gloss</i>		ASTM D523-25

Ghi chú/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/*Vietnamese National Standards*.
- ASTM: ASTM International tên cũ là Hội thử nghiệm và vật liệu Hoa Kỳ/ *ASTM International (formerly the American Society for Testing and Materials)*
- ISO: Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế/*International Organization for Standardization*
- AS: tiêu chuẩn Úc/ *Australian standard*
- EN: tiêu chuẩn châu Âu/*European Norm (European Standard)*
- BS: tiêu chuẩn Vương quốc Anh/*British Standard*
- JIS H: tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản cho Vật liệu màu và luyện kim/*Japanese Industrial Standards for Nonferrous materials and metallurgy*
- JIS K: tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản cho kỹ thuật hóa học/ *Japanese Industrial Standards for Chemical Engineering*
- JIS Z: tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản cho nhiều lĩnh vực/*Japanese Industrial Standards for Miscellaneous*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1321

Trường hợp Công ty Cổ phần Tôn Đông Á cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công ty Cổ phần Tôn Đông Á phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Ton Dong A Corporation that provides the product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

